

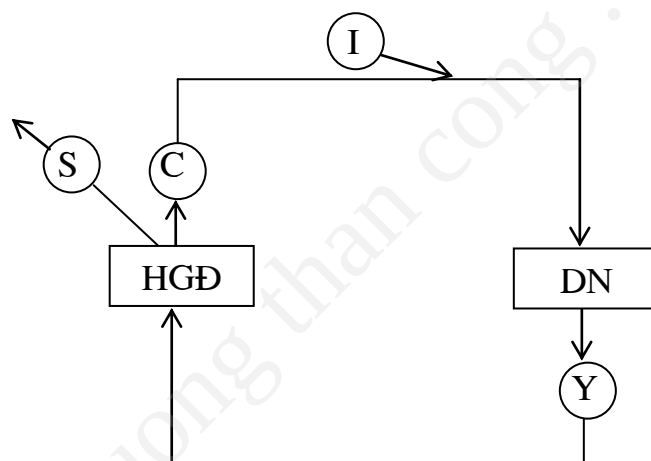
## CHƯƠNG 3

### CHÍNH SÁCH TÀI KHOẢN VÀ NGOẠI THƯƠNG.

#### 3.1. Chính sách tài khoản.

##### 3.1.1. Chính phủ trong vòng luân chuyển và chính sách tài khoản.

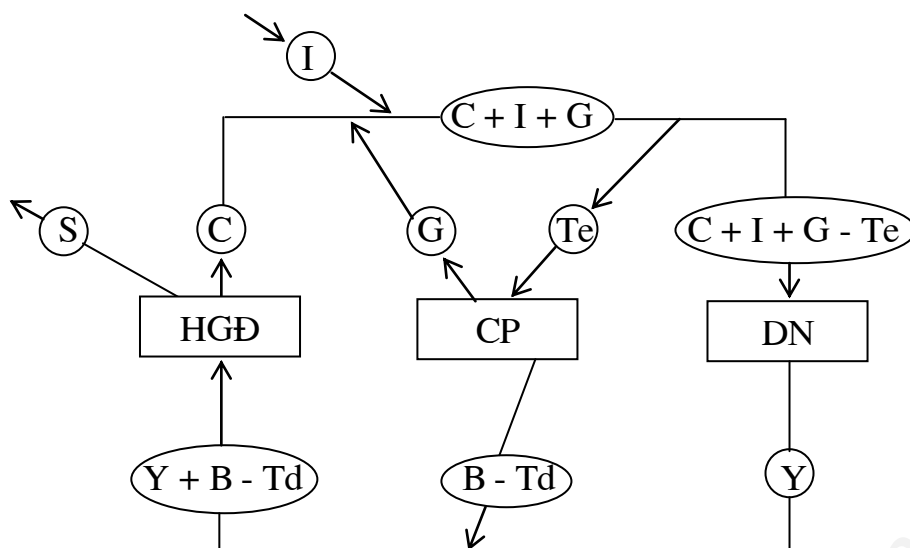
##### 3.1.1.1. Dòng luân chuyển khi ch-a có nhân tố chính phủ



Hình 3.1. Dòng luân chuyển đơn giản.

Khi ch-a có nhân tố chính phủ, dòng thanh toán bên ngoài hình 1.6 chương 1 cho ta biết những luồng đi ra, luồng đi vào và cân bằng tổng thể của nền kinh tế. Tuy nhiên, mức cân bằng giữa I và S mới chỉ làm cơ sở để chúng ta xét tiếp khi có ảnh hưởng của chính phủ và nước ngoài. Hình 3.1 phản ánh một cách đơn giản sự vận động của dòng thanh toán cũng như những thành phần rút ra và bơm vào của nền kinh tế.

##### 3.1.1.2. Chính phủ trong dòng luân chuyển.



Hình 3.2. Chính phủ trong dòng luân chuyển

Hình 3.2 thể hiện chính phủ tham gia như thế nào vào luồng chu chuyển của các khoản thanh toán. Khoản chi tiêu của chính phủ ( $G$ ) vào hàng hoá và dịch vụ trực tiếp bơm vào luồng chi tiêu một khoản  $G$  như trong hình vẽ. Mặt khác, chính phủ cũng rút tiền ra từ luồng chu chuyển thông qua thuế gián thu  $T_e$  đánh vào chi tiêu và thuế trực thu đánh vào thu nhập do yếu tố sản xuất mang lại (trừ mọi khoản trợ cấp chuyển nhượng  $B$  - khoản mà chính phủ làm tăng thêm thu nhập của yếu tố sản xuất). Thông thường, thành phần cơ bản chi tiêu trực tiếp của chính phủ vào hàng hoá và dịch vụ là quốc phòng, an ninh, y tế và giáo dục. Các khoản thanh toán chuyển nhượng bao gồm trợ cấp thất nghiệp, trợ cấp ng-ời nghèo và một số khoản thanh toán bảo hiểm xã hội. Nguồn thu chủ yếu của thuế trực thu là thuế thu nhập, thuế đánh vào các khoản tiền lãi, tiền thuê và lợi nhuận. Thuế gián thu bao gồm thuế giá trị gia tăng và các khoản thuế cụ thể đánh vào hàng hoá và tiêu dùng.

### 3.1.1.3. Chính sách tài chính quốc gia (chính sách tài khoá)

Chính sách tài khoá là các quyết định của chính phủ về chi tiêu và thuế khoá.

Các quyết định của chính phủ về thuế khoá và chi tiêu có ảnh hưởng lớn đến tổng cầu và sản lượng. Trong ngắn hạn, nó làm thay đổi sản lượng, việc làm và giá cả. Chính sách tài khoá chính là việc sử dụng một cách chủ động các hành động của chính phủ để điều chỉnh chu kỳ kinh doanh.

### 3.1.2. Ảnh hưởng của chính sách tài khoá đến sản lượng.

Chúng ta giả định rằng tất cả các khoản thuế đều là thuế trực thu và nền kinh tế là khép kín không có ngoại thương.

Với mô hình đơn giản này, tổng chi tiêu bằng nhu cầu tiêu dùng  $C$  cộng nhu cầu đầu tư cộng nhu cầu của chính phủ  $G$  về hàng hoá và dịch vụ.

Chúng ta tiếp tục giả định đơn giản là  $G$  được chính phủ lựa chọn ở mức cố định.

Vì vậy, có 3 thành phần không biến thiên trực tiếp theo thu nhập và sản lượng hiện hành: tiêu dùng tự định, đầu tư và chi tiêu của chính phủ.

Chính phủ đánh thuế đồng thời chính phủ cũng cung cấp các khoản chuyển nhượng. Thuế ròng là khoản thuế trừ đi khoản chuyển nhượng.

Thuế ròng làm giảm thu nhập cá nhân khả dụng. Với  $YD$  là thu nhập khả dụng,  $Y$  là thu nhập quốc dân và sản lượng,  $NT$  là thuế ròng ta có:

$$YD = Y - NT$$

Thuế ròng thông thường tỷ lệ thuận với thu nhập quốc dân. Nếu  $t$  là thuế suất ròng thì tổng thu từ thuế ròng là:

$$NT = tY$$

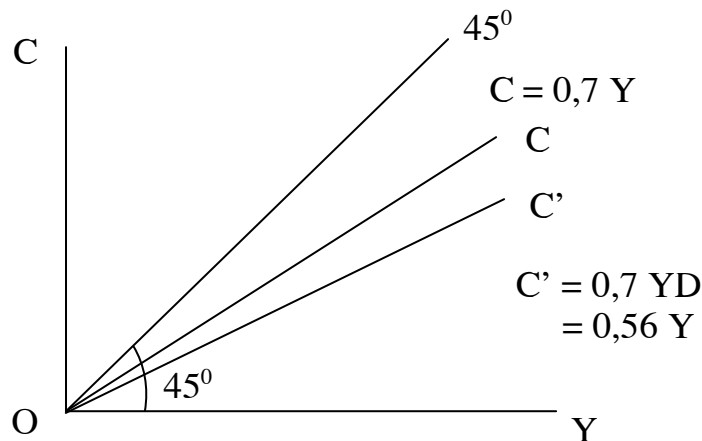
Giả sử mức thuế  $t$  là 0,2 thì khi thu nhập quốc dân tăng 1 đồng, thu nhập ròng từ thuế sẽ tăng thêm  $0,2 \times 1$  đồng hay 2 hào.

Như vậy:

$$YD = Y - NT = Y - tY = Y(1 - t)$$

Khi  $t = 0,2$  hay 20%, thu nhập khả dụng của các hộ gia đình chỉ bằng 0,8 hay 80% thu nhập trước thuế của họ. 20% còn lại thuộc về chính phủ.

Giả sử tiêu dùng theo ý muốn của các hộ gia đình tỷ lệ thuận với thu nhập khả dụng, tiêu dùng tự định bằng 0,7, tiêu dùng biên từ khoản thu nhập khả dụng là 0,7. Hàm tiêu dùng sẽ là  $C = 0,7 YD$ .



Hình 3.3. Thuế ròng và hàm tiêu dùng.

Hàm tiêu dùng  $C$  thể hiện khoản thuế ròng bằng 0. Thu nhập khả dụng bằng thu nhập quốc dân. Mỗi đồng tăng thêm của thu nhập làm tiêu dùng tăng thêm 7 hào (70 xu).

Nếu có mức thuế suất tỷ lệ thuận là  $t$

$$YD = Y(1 - t)$$

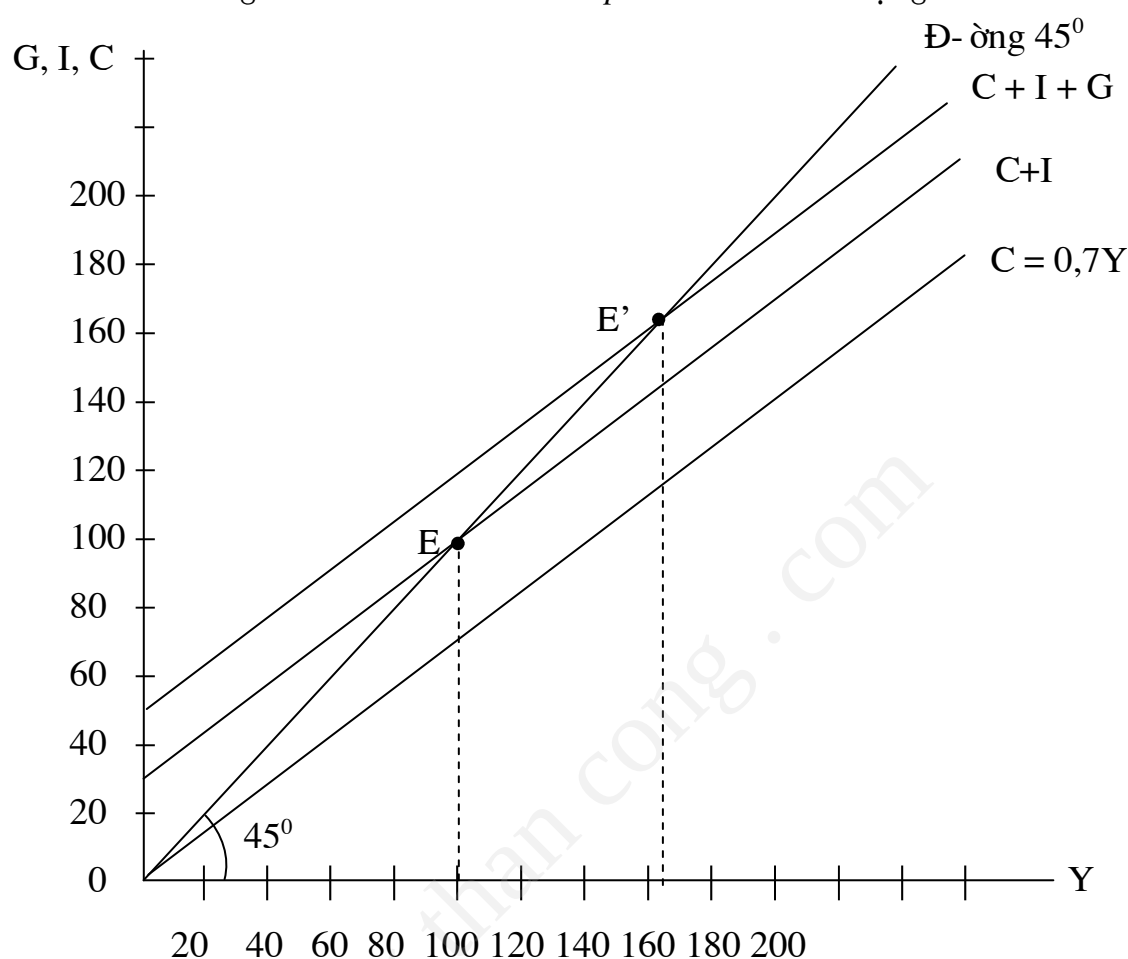
$$C' = 0,7YD = 0,7(1 - t)Y.$$

Mỗi đồng thu nhập tăng thêm, nhu cầu tiêu dùng bây giờ chỉ tăng thêm  $0,7 \times (1 - t)$  đồng. Nếu  $t = 0,2$  và  $1 - t = 0,8$  thì nhu cầu tiêu dùng chỉ tăng thêm  $0,7 \times 0,8 = 0,56$  đồng. Mỗi đồng thu nhập tăng thêm làm tăng thu nhập khả dụng thêm 0,8 đồng và hộ gia đình chỉ muốn tiêu dùng thêm 0,56 đồng (56 xu). Hàm tiêu dùng  $C'$  trên hình 2.3 thể hiện điều này.

Gọi **MPC'** là khuynh hướng tiêu dùng biên khi có thuế, ta có:

$$\mathbf{MPC' = MPC \times (1 - t)}$$

### 3.1.2.1. Ảnh hưởng của chi tiêu của chính phủ đối với sản lượng.



Hình 3.4. Chi tiêu của chính phủ và sản lượng cân bằng.

Giả sử,  $I = 30$ ,  $C = 0,7Y$ ,  $G = 20$ ,  $t = 0$ .

Hình 3.4 cho thấy việc chính phủ tăng chi tiêu từ 0 lên 20 có tác động giống như đầu tư tăng từ 30 lên 50, sản lượng tăng theo số nhân.

Số nhân chi tiêu của chính phủ là mức tăng GDP do lượng tăng thêm trong chi tiêu cho hàng hoá và dịch vụ của chính phủ mang lại.

Giống như doanh nghiệp A đầu tư vào ngành ô tô, mức mua sắm hàng hoá và dịch vụ ban đầu của chính phủ sẽ khởi đầu cho một dây chuyền tái chi tiêu. Chính phủ xây dựng một toà nhà, những người xây dựng sẽ chi tiêu một phần thu nhập của họ cho lương thực và quần áo, nông dân và thợ may lại tiếp tục chi tiêu một phần thu nhập đó ....

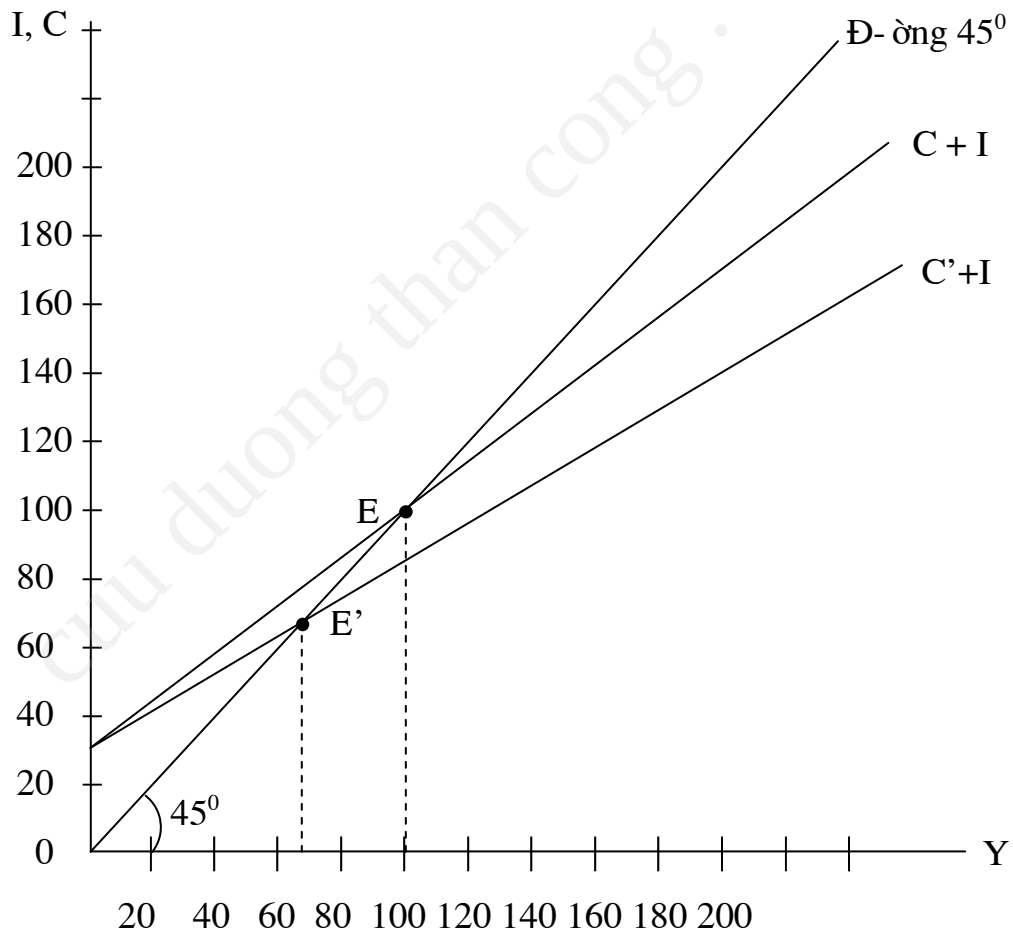
Số nhân chi tiêu của chính phủ cũng giống số nhân đầu tư

$$\text{Số nhân} = \frac{1}{1 - \text{MPC}}$$

Với giả thiết  $\text{MPC} = 0,7$ , sự gia tăng chi tiêu của chính phủ từ 0 lên 20 làm thu nhập và sản lượng tăng thêm 66,6. Điểm E dịch chuyển đến E'. Tác động này cho thấy, khi nền kinh tế đang ở vùng suy thoái, tăng chi tiêu của chính phủ sẽ làm tăng sản lượng và giảm tỷ lệ thất nghiệp.

### 3.1.2.2. Ảnh hưởng của thuế đối với sản lượng.

Giả định không xét tới chi tiêu của chính phủ. Khi chính phủ tăng mức thuế trực thu hoặc giảm mức thanh toán chuyển nhượng sẽ làm tăng thu ròng từ thuế của chính phủ.



Hình 3.5. Tác động của thuế.

□ hình 2.3, nếu thuế suất ròng tăng từ 0 lên 0,2 làm hàm tiêu dùng quay từ C xuống C'. Độ dốc của nó giảm từ MPC xuống MPC'.

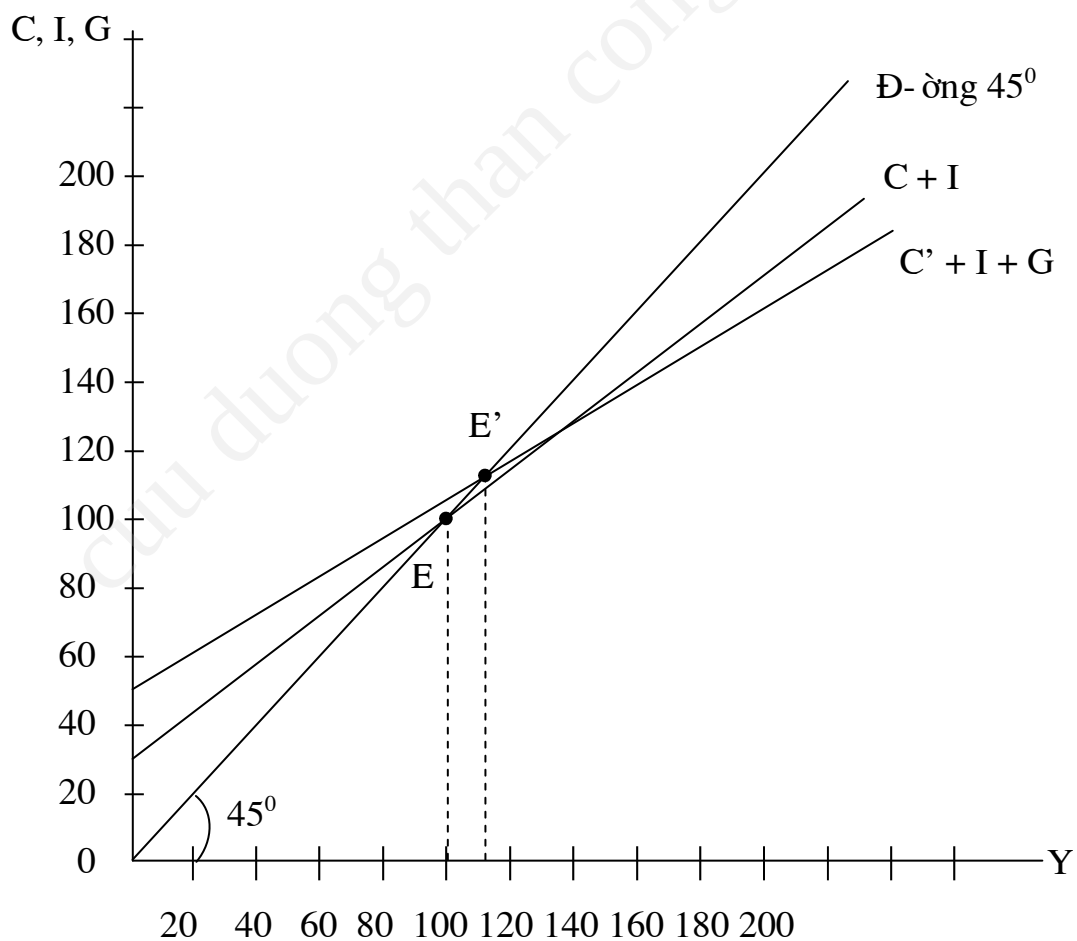
Vì  $I$  không đổi, nên đường tổng chi tiêu xoay từ  $C + I$  sang  $C' + I$ . Điểm cân bằng dịch chuyển từ  $E$  sang  $E'$ . Thu nhập và sản lượng cân bằng giảm từ 100 xuống 68,2.

Nh- vậy tăng thuế suất ròng làm giảm sản l- ợng cân bằng và giảm thuế suất ròng làm tăng sản l- ợng cân bằng. Khi nền kinh tế trong vùng suy thoái, giảm thuế hoặc tăng trợ cấp sẽ dịch chuyển mức sản l- ợng cân bằng tiến gần hơn đến mức toàn dụng nhân lực.

### 3.1.2.3. Ảnh hưởng kết hợp của thuế và chi tiêu chính phủ.

Ví dụ: chi tiêu của chính phủ tăng từ 0 lên 20, thuế suất tăng từ 0 lên 0,2 ,  $I = 30$ , MPC từ thu nhập khả dụng bằng 0,7 ,  $MPC' = 0,56$ , tiêu dùng tự định bằng 0.

Sản l- ợng cân bằng của thu nhập quốc dân tăng từ 100 lên 113,63.



Hình 3.6. Ảnh hưởng kết hợp của tăng chi tiêu và thuế

Bắt đầu từ điểm cân bằng E, chi tiêu của chính phủ G tăng lên 20 làm dịch chuyển AD lên trên và thuế suất tăng 0,2 làm cho đường tổng chi tiêu mới thoải hơn. C + I có độ dốc là 0,7 thì C' + I + G có độ dốc là 0,56. Điểm cân bằng chuyển từ E sang E'. Sản lượng cân bằng tăng từ 100 lên 113,636363.

❖ Một điểm làm chúng ta ngạc nhiên là tăng thuế 20 tỷ đồng và tăng chi tiêu chính phủ 20 tỷ đồng - cân bằng ngân sách - sẽ làm tăng sản lượng.

Nếu mức sản lượng cân bằng là 100, thuế suất tỷ lệ thuận là 0,2, thu nhập từ thuế là 20, đúng bằng khoản chi tiêu của chính phủ. Đồ thị 3.6 cho ta thấy sản lượng tăng.

Tăng chi tiêu của chính phủ thêm 20 tỷ sẽ làm đường C + I + G dịch chuyển lên thêm 20 tỷ. Nhưng tăng thuế thêm 20 tỷ lại dịch chuyển đường C + I + G xuống dưới 14 tỷ đồng (20 x MPC) hay (20 x 0,7).

Do đó, ảnh hưởng lúc đầu của cả thuế và chi tiêu là làm tăng tổng chi tiêu thêm 20 do có chi tiêu của chính phủ nhưng lại chỉ làm giảm tổng chi tiêu 14. Tính gộp lại tổng chi tiêu tăng 6. Sản lượng cân bằng mới là 113,636363.

### **3.1.3. Ngân sách chính phủ.**

#### **3.1.3.1. Khái niệm.**

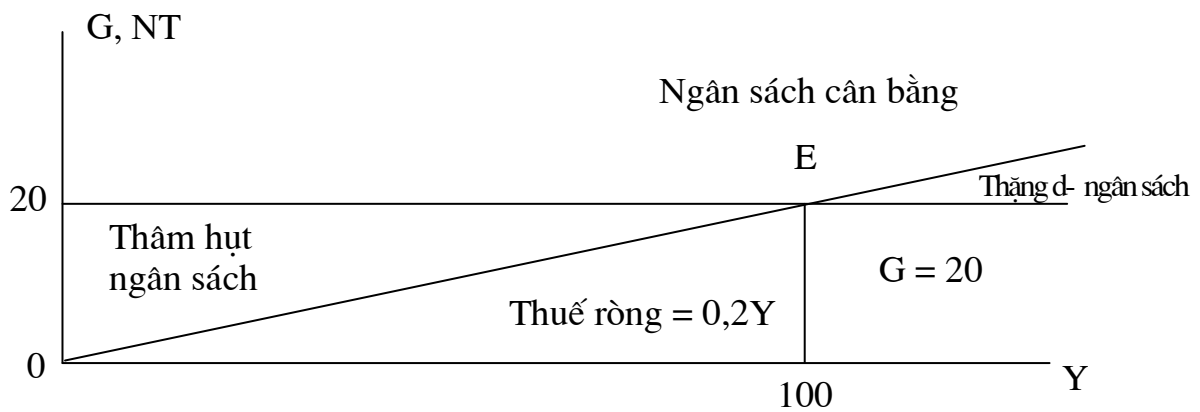
Ngân sách là bản trình tổng số tiền thu và chi trong một thời gian nhất định của cá nhân, của doanh nghiệp hay của chính phủ.

Ngân sách chính phủ mô tả những hàng hoá và dịch vụ mà chính phủ sẽ mua trong năm tài khoá, những thanh toán chuyển nhượng chính phủ sẽ thực hiện và cách thức chính phủ trang trải các khoản đó. Trong nền kinh tế thị trường, thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách. Khi chi tiêu vượt quá nguồn thu từ thuế, ngân sách sẽ thâm hụt, khi chi tiêu nhỏ hơn thuế, ngân sách sẽ thặng dư.

Gọi H là thâm hụt ngân sách của chính phủ, ta có:  $H = G - T$ . (T là khoản thuế ròng)

Thâm hụt ngân sách chính phủ bằng chi tiêu chính phủ trừ thuế ròng (thuế trừ thanh toán chuyển nhượng)





Hình 3.7. Ngân sách chính phủ.

Hình 3.7 cho ta thấy với chi tiêu  $G$  của chính phủ và thuế suất  $t$ , thâm hụt hay thặng dư ngân sách phụ thuộc vào mức thu nhập. □ mức thu nhập là 100 ngân sách cân bằng, dưới 100 ngân sách thâm hụt, trên 100 ngân sách thặng dư. Bởi vì, nếu  $t = 0,2Y$  thì thuế ròng bằng 0 khi  $Y$  bằng 0, bằng 10 khi thu nhập là 50, bằng 20 khi thu nhập là 100. Thu nhập càng cao thặng dư càng lớn. 3 yếu tố  $G$ ,  $t$  và  $Y$  quyết định trạng thái của ngân sách.

### 3.1.3.2. Cân bằng mới khi có thuế và chi tiêu của chính phủ.

Trở lại luồng thanh toán của dòng luân chuyển kinh tế vĩ mô, các khoản rút ra khỏi luồng phải luôn bằng các khoản đi- ợc bơm vào luồng. Khoản chảy ra ở đây gồm tiết kiệm của các hộ gia đình và khoản thuế ròng nộp cho chính phủ.

Khoản bơm vào bao gồm chi tiêu đầu tư của các doanh nghiệp và chi tiêu của chính phủ.

Việc xác định sản lượng ở ch- ơng tr- ớc cho ta thấy sản lượng cân bằng ở mức  $S = I$ . Vì vậy, sản lượng cân bằng khi có nhân tố chính phủ sẽ là:

$$S + T = I + G$$

$$S - I = G - T$$

Nh- vậy,  $G$  tăng làm tăng thâm hụt ngân sách  $H$ , tăng  $T$  làm giảm thâm hụt ngân sách.

### 3.1.3.3. Thâm hụt cơ cấu và thâm hụt chu kỳ.

Ngân sách chính phủ phụ thuộc vào các yếu tố cả chủ quan lẫn khách quan. Một phần của ngân sách là chủ động, đi- ợc quyết định bởi các chính

sách chủ động nh- quy định thuế suất , trợ cấp bảo hiểm xã hội hay qui mô chi tiêu quốc phòng, an ninh. Đó là ngân sách cơ cấu.

Một phần của ngân sách đ- ợc quyết định một cách thụ động bởi tình trạng của chu kỳ kinh doanh tức là mức sản l- ợng và thu nhập của nền kinh tế. Đó là ngân sách chu kỳ.

Về mặt l- ợng, có thể phân biệt nh- sau:

- Ngân sách thực có ghi những khoản chi, khoản thu và thâm hụt bằng tiền trong một thời kỳ nhất định.
- Ngân sách cơ cấu tính toán thu, chi và thâm hụt của chính phủ sẽ nh- thế nào nếu nền kinh tế hoạt động ở sản l- ợng tiềm năng.
- Ngân sách chu kỳ là sự chênh lệch giữa ngân sách thực có và ngân sách cơ cấu. Nó đo l- ợng tác động của chu kỳ kinh doanh lên ngân sách, có tính đến ảnh h- ớng của chu kỳ đối với thu, chi và thâm hụt.

Nhiều khoản chi tiêu và thuế của chính phủ phụ thuộc vào tình trạng của nền kinh tế. Khi thu nhập giảm từ 100 xuống 50, thuế giảm từ 20 xuống 10, nh- ng có thể chi tiêu chính phủ không những không giảm mà tăng lên do phải tăng trợ cấp thất nghiệp, tăng trợ cấp bảo hiểm xã hội, ... Thâm hụt chu kỳ tăng lên. Vì vậy, tăng chi tiêu chính phủ không có nghĩa kích thích tăng sản l- ợng của nền kinh tế. Do đó để đánh giá chính sách tài khoá các nhà kinh tế th- ờng nhấn mạnh đến thâm hụt cơ cấu.

Tuy vậy, các quyết định của chính phủ về chi tiêu và thuế có thể làm thay đổi cả thâm hụt cơ cấu và thâm hụt chu kỳ. Ví dụ, chính phủ giảm chi tiêu 5 tỷ, thâm hụt cơ cấu giảm 5 tỷ nh- ng lại làm giảm sản l- ợng và làm tăng thâm hụt chu kỳ.

### **3.1.4. Mô hình hoạch định chính sách tài khoá.**

#### **3.1.4.1. Chính sách tài khoá tự ổn định.**

Hệ thống tài khoá hiện đại sử dụng những công cụ tự động ổn định. Các công cụ này là các cơ chế trong nền kinh tế làm giảm bớt phản ứng của GDP tr- ớc những cú sốc.

– **Những thay đổi tự động về thuế.**

Hệ thống thuế thu nhập th- ờng áp dụng theo thuế lũy tiến tức là thuế suất tăng lên khi thu nhập tăng. Khi thu nhập giảm, dù quốc hội không thay đổi thuế suất, nh- ng doanh thu thuế của chính phủ vẫn giảm xuống.

Vì vậy, nếu sản l- ợng giảm, doanh thu thuế sẽ tự động giảm để cho thu nhập và chi tiêu cá nhân sẽ bớt suy giảm. Trong thời kỳ lạm phát, doanh thu thuế tăng lên sẽ làm giảm thu nhập cá nhân, kìm hãm chi tiêu, làm giảm tổng cầu và hạn chế lạm phát.

Hơn nữa, mục 3.2 đã cho ta thấy rằng, với MPC nhất định, t càng cao, MPC' càng thấp và số nhân càng nhỏ. Ví dụ, khi  $MPC = 0,7$  số nhân là 3,33 khi t bằng 0, nh- ng chỉ là 2,27 khi t bằng 0,2. Nếu nền kinh tế giảm đầu t- là 10, với thuế suất bằng 0, sản l- ợng cân bằng sẽ giảm đi 33,3 , với thuế suất là 0,2 sản l- ợng cân bằng chỉ giảm đi 22,7. T- ơng tự, nếu I tăng, t càng cao càng hạn chế tác động của số nhân.

– **Các ch- ơng trình thanh toán chuyển nh- ợng.**

Bảo hiểm thất nghiệp tăng giảm ng- ọc với chu kỳ kinh doanh. Khi ng- ời lao động bị sa thải, họ nhận bảo hiểm thất nghiệp. Khi họ đi làm, khoản bảo hiểm thất nghiệp chấm dứt. Vì vậy, bảo hiểm thất nghiệp góp phần tự động ổn định nền kinh tế.

Các ch- ơng trình trợ cấp khác cũng có tác dụng t- ơng tự.

Mặc dù các cơ chế tự ổn định có vai trò lớn trong việc làm giảm những dao động của chu kỳ kinh doanh nh- ng nó không thể điều hoà đ- ợc những b- ớc thăng trầm của chu kỳ kinh doanh.

**3.1.4.2. Chính sách tài khoá chủ động.**

**Chính sách tài khoá chủ động là chính sách trong đó chính phủ thay đổi mức chi tiêu hay thuế suất.** Thông th- ờng, sự thay đổi này h- ớng vào các lĩnh vực:

- Các công trình công cộng. Để đối phó với sự suy giảm kinh tế và tạo việc làm, chính phủ đầu tư vào xây dựng bệnh viện, trường học, đường sá, ...
- Các dự án việc làm công cộng. Đây là những dự án nhằm thuê những công nhân thất nghiệp trong một thời gian ngắn trong các công việc công cộng, sau đó mọi người có thể chuyển sang làm việc trong khu vực tư nhân.
- Những thay đổi tạm thời trong thuế thu nhập. Cắt giảm thuế có thể giữ cho thu nhập khả dụng không bị giảm và chống suy thoái. Tăng thuế có thể kiềm chế nền kinh tế quá nóng.

Chính sách tài khoá chủ động là một công cụ quan trọng để chính phủ tác động vào nền kinh tế. Tuy nhiên, chính sách này gặp phải trở ngại lớn là thời gian để thực thi xây dựng các công trình công cộng thường quá dài. Dự án việc làm công cộng ít hiệu quả, gây lãng phí lớn, ...

### **3.1.5. Nợ chính phủ.**

Tổng số nợ còn tồn tại của chính phủ gọi là nợ chính phủ. Đó chính là mức tích tụ những cái mà chính phủ vay mượn để trang trải cho thâm hụt quá khứ.

Nợ trong nước là nợ của một nước đối với các công dân của nước đó.

Nợ nước ngoài là nợ của chính phủ đối với người nước ngoài. Nhiều quốc gia đã gặp phải khó khăn kinh tế trầm trọng do nợ nước ngoài quá lớn. Họ buộc phải xuất siêu, phải có thặng dư thương mại để trả lãi và vốn trên những khoản vay từ nước của họ. Vì vậy, nợ nước ngoài đã làm giảm khả năng tiêu dùng của một nước.

Nợ trong nước giống như mọi người nợ chính mình. Tuy vậy, có 2 lý do cơ bản để lo ngại món nợ này. Thứ nhất, cần phải tăng thuế để trừ nợ. Thuế suất cao gây ra những tác động không khuyến khích hay bóp méo. Thứ hai, khi nợ chính phủ tăng lên, mọi người sẽ tích lũy nợ chính phủ thay vì tích lũy vốn tư nhân. Trữ lượng vốn tư nhân của quốc gia sẽ bị thay thế bởi nợ công cộng làm giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế.

## **3.2. Ngoại thương và xác định sản lượng.**

Chúng ta đã xác định sản lượng trong nền kinh tế khép kín, các yếu tố C, I, S cũng như thuế và chi tiêu chính phủ tác động đến sản lượng cân bằng như thế

nào đã đ- ọc chúng ta lý giải. Phần này hoàn tất sự phân tích tổng cầu bằng một nhân tố cơ bản nữa: ngoại th- ơng.

### 3.2.1. Xuất khẩu ròng.

Xuất khẩu ròng là tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ trừ đi tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ.

$$NX = X - Z$$

Cán cân th- ơng mại là giá trị của xuất khẩu ròng. Khi xuất siêu (xuất > nhập) nền kinh tế có một khoản thặng d- th- ơng mại. Khi nhập siêu ( xuất < nhập) nền kinh tế có sự thâm hụt th- ơng mại.

Tổng cầu khi có ngoại th- ơng bao gồm tổng chi tiêu trong n- ớc ( C + I + G ) cộng với xuất khẩu trừ nhập khẩu.

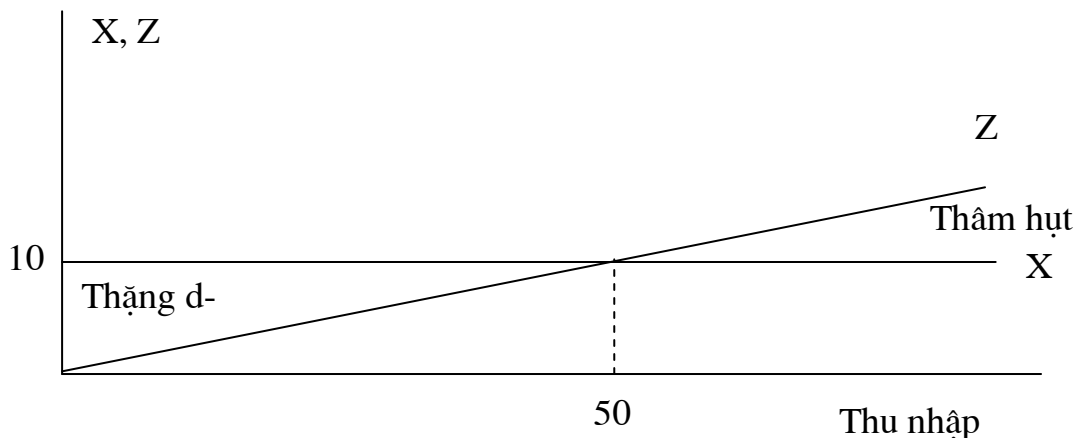
$$AD = GDP = C + I + G + X - Z$$

Ngoại th- ơng nói chung phụ thuộc vào giá cả t- ơng đối của hàng hoá trong n- ớc và ngoài n- ớc, vào tỷ giá hối đoái. Tuy vậy, đối với những n- ớc nhỏ, nhu cầu xuất khẩu chủ yếu phụ thuộc vào n- ớc ngoài. Mức thu nhập và nhu cầu của n- ớc ngoài đối với hàng xuất của họ không liên quan đến mức thu nhập của họ. Hơn nữa, vì xuất khẩu đ- ợc xác định bên ngoài mô hình nên xuất khẩu là một l- ợng cố định, độc lập so với thu nhập. Ng- ợc lại, nhu cầu nhập khẩu có thể tăng khi thu nhập và sản l- ợng trong n- ớc tăng.

$$Z = MPZ \cdot Y$$

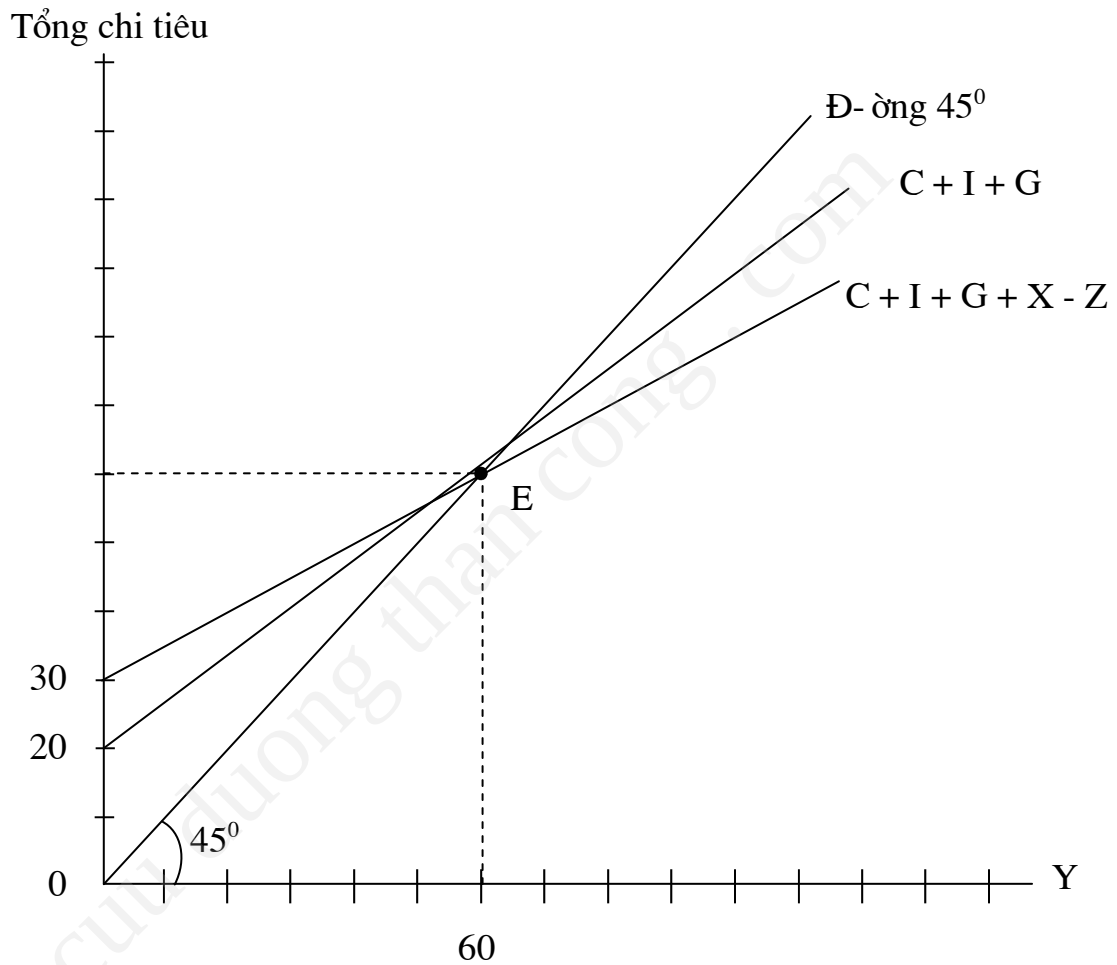
**MPZ là xu h- ớng nhập khẩu biên**, là số tiền tăng thêm dành cho nhập khẩu trong mỗi đồng tăng thêm trong GDP.

### 3.2.2. Xuất khẩu ròng và sản l- ợng.



Hình 3.8. Cán cân th- ơng mại

Hình 3.8 cho thấy mức xuất khẩu cố định là 10. Nhập khẩu tăng theo mức thu nhập.  $MPZ = 0,2$ . Chênh lệch giữa xuất và nhập bằng 0 khi thu nhập là 50 và xuất khẩu, nhập khẩu đều bằng 10. □ mức thu nhập cao hơn, nhập khẩu vượt 10 và th- ơng mại bị thâm hụt.



Hình 3.9. Sản l- ợng cân bằng trong nền kinh tế mở.

Khi có ngoại th- ơng, sản l- ợng cân bằng sẽ đ- ợc xác định nh- hình 3.9. □ hình 3.8 chúng ta đã thấy rằng, thu nhập thấp nhu cầu xuất khẩu ròng là d- ơng, tổng cầu vượt quá  $C + I + G$ . Khi thu nhập tăng, nhu cầu nhập tăng lên và mức xuất khẩu ròng mong muốn sẽ giảm. □ mức thu nhập là 50 nhu cầu xuất khẩu ròng bằng 0. Do vậy đ- ờng tổng chi tiêu mới  $C + I + G + X - Z$  cắt đ- ờng  $C + I + G$  ở mức thu nhập 50. Lớn hơn mức thu nhập này, nhu cầu xuất khẩu ròng là âm và đ- ờng  $C + I + G + X - Z$  thấp hơn đ- ờng  $C + I + G$ .

Giả sử  $I + G = 20$  và  $X = 10$  khi  $Y = 0$ ;  $MPC' = 0,7$ . Nếu  $MPZ = 0,2$  thì đường  $C + I + G + X - Z$  có độ dốc bằng 0,5 nhỏ hơn độ dốc của đường  $C + I + G$  là 0,7. Bởi vì, khi mỗi đồng thu nhập thêm mức tiêu dùng dự kiến là 7 hào thì nó cũng tăng thêm 2 hào vào mức nhập khẩu dự kiến ( $MPZ = 0,2$ ). Vì  $G$  và  $I$  không đổi nên chỉ có 5 hào được dành cho việc tăng nhu cầu về hàng tiêu dùng sản xuất nội địa. Do đó, mỗi đồng tăng thêm của thu nhập quốc dân góp thêm được 5 hào vào tổng chi tiêu. Đường  $C + I + G + X - Z$  có độ dốc là 0,5.

Điểm cân bằng E trên hình vẽ là điểm có mức tổng cầu bằng thu nhập và sản lượng trong nước. Mức thu nhập cân bằng trong nước là 60.

### 3.2.3. Số nhân của nền kinh tế mở.

Vì một phần của đồng thu nhập tăng thêm đều thất thoát vào nhập khẩu trong nền kinh tế mở nên số nhân của nền kinh tế mở nhỏ hơn một chút so với số nhân của nền kinh tế đóng.

Ví dụ trên hình 3.9 đã cho chúng ta thấy điều đó. Vì vậy, trong nền kinh tế mở, công thức tính số nhân là:

$$\text{Số nhân} = \frac{1}{1 - (MPC' - MPZ)}$$

❖ Gia tăng xuất khẩu.

Cũng như  $G$  và  $I$ , nhu cầu xuất khẩu tăng sẽ dịch chuyển đường tổng chi tiêu lên trên, vì vậy mức thu nhập cân bằng phải tăng. Khi thu nhập tăng nhu cầu nhập khẩu tăng.

Khi xét sản lượng quốc dân, tổng số các khoản rút ra từ dòng luân chuyển phải luôn bằng tổng số các khoản bơm vào dòng luân chuyển. Khi cân bằng, nhu cầu chi tiêu phải bằng thu nhập thực chất và chi tiêu vào hàng nội. Do vậy, điều kiện cân bằng được chỉnh lý cho một nền kinh tế mở là:

$$S + T + Z = I + G + X.$$

Nhu cầu xuất khẩu tăng sẽ làm tăng sản lượng và thu nhập cân bằng trong nước. Thu nhập tăng sẽ làm tăng  $S$ ,  $T$  và  $Z$ . Vì cả 3 yếu tố này đều tăng nên có thể kết luận rằng sự gia tăng trong nhu cầu nhập khẩu phải nhỏ hơn mức gia tăng trong nhu cầu xuất khẩu.

## CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Khi chính phủ tăng chi tiêu, nền kinh tế sẽ thay đổi như thế nào ? Nếu bạn là nhà lãnh đạo quốc gia, trong trường hợp nào thì bạn tăng chi tiêu chính phủ ?
2. Khi chính phủ đánh thuế, nền kinh tế sẽ thay đổi thế nào ? Trong trường hợp nào thì chính phủ cần phải tăng thuế ?
3. Vì sao khi ngân sách chính phủ cân bằng vẫn làm cho sản lượng cân bằng của nền kinh tế tăng lên ?
4. Chính phủ sẽ thực hiện các công cụ nào trong chính sách tài khoá để làm giảm bớt phản ứng của GDP trước các cú sốc ?
5. Nếu bạn là nhà lãnh đạo quốc gia, bạn sẽ thực hiện chính sách tài khoá như thế nào khi nền kinh tế bị suy thoái nghiêm trọng ?
6. Vì sao số nhân trong nền kinh tế mở nhỏ hơn số nhân trong nền kinh tế đóng ?
7. Nền kinh tế có các dữ liệu sau:

$$I = 120 ; C = 0,7Y ; NT = G = 80$$

- a. Tính sản lượng cân bằng trước và sau khi có NT và G.
- b. Vẽ đồ thị.